Thứ Ba, Ngày 27 Tháng 2 Năm 2024

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

### *Cổ phiếu thép dẫn dắt VN-Index*

▶ Trong phiên giao dịch ngày thứ Ba, thanh khoản cải thiện nhẹ trong phiên tăng điểm. Nhóm vật liệu xây dựng gây chú ý với nhiều mã dẫn dắt bật tăng mạnh cùng với thanh khoản đột biến.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 13.29 điểm, tăng (1.09%), đạt 1,237.46 điểm; HNX-Index tăng 2.51 điểm (1.08%), đạt 235.38 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 23.06 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 986.9 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại mua ròng 39.77 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở HPG, SSI, DGC.

▶ HPG (+5.38%), VCB (+1.75%), VHM (+1.96%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, BID (-1.12%), VJC (-0.96%), SAB (-0.53%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Ngành vật liệu xây dựng là nhóm ngành tăng ấn tượng nhất trong phiên hôm nay với các mã tiêu biểu như: HPG, HSG, VGC.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Thị trường tạo gap tăng điểm mạnh mẽ và duy trì đến cuối phiên với giá đóng cửa đạt mức cao nhất, điều này thể hiện sự hưng phấn trong phiên giao dịch. Qua đó, thị trường chính thức xác nhận vượt vùng kháng cự 1,230 trước đó và hướng về khu vực 1,250. Các chỉ báo như RSI, MACD tiếp tục cho thấy xu hướng tăng trong ngắn hạn và trung hạn của thị trường. Thanh khoản có sự cải thiện thể hiện sự củng cố của xu hướng tăng trong ngắn hạn.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,237 | 1.1 | 5.3 | 21.2 | 15.8 | 1.8 | 4,957,722 |
| VN30 Index | 1,248 | 1.2 | 5.5 | 23.4 | 12.3 | 1.6 | 3,520,409 |
| VN Midcap | 1,827 | 1.2 | 4.0 | 47.0 | 17.2 | 1.6 | 918,780 |
| VN Smallcap | 1,450 | 1.2 | 5.1 | 32.4 | 21.6 | 1.1 | 237,999 |
| HNX Index | 235 | 1.1 | 2.6 | 15.8 | 22.4 | 1.3 | 293,611 |
| UpCom | 90 | -0.1 | 3.1 | 19.2 | 13.4 | 1.8 | 1,166,428 |

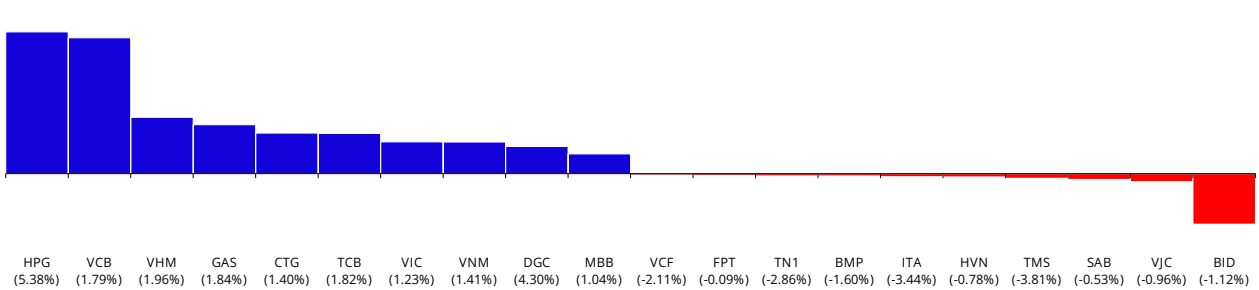
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | 0.9 | 4.3 | 7.9 | 1.2 | 204.3 | 3.1 | 100,426 |
| Bảo hiểm | 1.0 | 3.6 | 6.5 | -7.6 | 14.4 | 1.4 | 43,393 |
| Bất động sản | 1.8 | 4.8 | 2.2 | 7.8 | 15.0 | 1.3 | 758,924 |
| CNTT | 0.0 | 11.5 | 10.6 | 51.8 | 21.8 | 4.3 | 151,750 |
| Dầu khí | 1.6 | 3.5 | 42.7 | 4.4 | 21.8 | 2.4 | 61,306 |
| Dịch vụ tài chính | 1.0 | 6.7 | 12.1 | 111.9 | 22.7 | 1.9 | 203,226 |
| Tiện ích | 3.0 | 4.5 | 3.1 | -3.0 | 15.7 | 2.0 | 308,937 |
| Du lịch và Giải trí | -0.8 | 0.0 | -1.3 | 3.2 | n.a | 22.9 | 95,424 |
| Hàng & DV CN | 0.6 | 5.4 | 5.6 | 32.4 | 14.5 | 1.7 | 137,970 |
| Hàng CN & Gia dụng | 1.2 | 3.3 | 7.7 | 18.2 | 14.9 | 1.8 | 56,232 |
| Hóa chất | 1.2 | 24.5 | 23.8 | 77.4 | 23.7 | 2.0 | 220,454 |
| Ngân hàng | 0.7 | 4.3 | 16.2 | 31.6 | 10.0 | 1.6 | 2,044,047 |
| Ô tô và phụ tùng | 1.3 | 7.6 | 8.3 | 17.7 | 19.1 | 1.3 | 15,821 |
| Tài nguyên Cơ bản | 4.4 | 5.7 | 7.4 | 48.1 | 38.7 | 1.5 | 230,521 |
| Th.phẩm & Đồ uống | 0.9 | 5.8 | 3.3 | -9.8 | 23.8 | 2.7 | 436,675 |
| Truyền thông | 0.7 | -1.4 | -11.3 | 91.7 | 29.6 | 1.0 | 1,899 |
| Xây dựng và Vật liệu | -6.0 | 2.9 | 4.0 | 28.0 | 25.7 | 1.5 | 130,590 |
| Y tế | 1.2 | 3.3 | 3.8 | 13.3 | 14.2 | 2.0 | 35,956 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 104 | -0.1 | -0.4 | 0.2 | 0.5 | 2.3 | -0.9 |
| USD/JPY | 150 | -0.3 | 0.2 | 1.9 | 1.1 | 6.5 | 10.3 |
| USD/CNY | 7 | 0.0 | 0.1 | 0.2 | 0.6 | 1.4 | 3.7 |
| KRW/USD | 1,331 | 0.0 | -0.5 | -0.3 | 2.1 | 3.3 | 0.6 |
| EUR/USD | 1 | -0.1 | -0.5 | -0.2 | 0.9 | 1.6 | -2.3 |
| USD/VND | 24,638 | -0.1 | 0.4 | 0.4 | 1.6 | 1.5 | 3.5 |
| Dầu Thô | 78 | 0.3 | -0.5 | -0.3 | 3.9 | 8.6 | 2.8 |
| Xăng | 237 | 2.8 | 4.1 | 3.3 | 8.8 | 12.8 | 0.1 |
| Khí đốt | 2 | -2.0 | 3.1 | -40.1 | -41.8 | -35.4 | -40.5 |
| Than | 128 | 2.0 | 6.8 | 0.5 | 4.7 | -12.7 | -38.9 |
| Vàng | 2,037 | 0.3 | 0.6 | 0.2 | 1.2 | -1.2 | 12.1 |
| Thép cuộn | 4,000 | 0.0 | -1.0 | -2.1 | -0.2 | -1.9 | -8.6 |

**Đóng góp vào VN Index**





**[Analyst ]**
**Trang Vo**
☎ (84-28) 6299 - 7751
✉ trang.vo@shinhan.com

**[Analyst ]**
**Phuong Nguyen**
☎ (84-28) 6299 - 9004
✉ phuong.nd@shinhan.com


Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức nổi bật

**1)CII – Xây dựng và Vật liệu:** Ngày 15/3 tới đây, CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII – sàn HOSE) sẽ chốt quyền chi trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền với tỷ lệ 4%, tương ứng 1 cổ phiếu sẽ nhận 400 đồng.

**2)EVF – Dịch vụ tài chính:** Về kế hoạch kinh doanh, EVF đặt mục tiêu tổng tài sản năm 2024 đạt 54,500 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với thực hiện năm ngoái. Lợi nhuận trước thuế đạt 585 tỷ đồng, tăng trưởng 43% so với thực hiện của năm 2023.

**3)VHL – Xây dựng và Vật liệu:** Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vừa ban hành 02 quyết định đưa cổ phiếu của Công ty CP Viglacera Hạ Long (HNX: VHL) vào diện cảnh báo, đồng thời bổ sung lý do đưa VHL vào danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ.

**4)NVL – Bất động sản:** Năm 2023, doanh thu bán bất động sản của Novaland (NVL) giảm mạnh hàng nghìn tỷ đồng. Nhiều dự án sau giai đoạn gỡ vướng bắt đầu tăng tốc thi công, hoàn thiện ngay đầu năm 2024.

**5)QNP - Hàng & Dịch vụ Công nghiệp:** Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, Cảng Quy Nhơn đưa ra mục tiêu doanh thu hợp nhất đạt 1,247 tỷ đồng (+33% YoY), lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 115 tỷ đồng (-20%).

**6)PDN - Hàng & Dịch vụ Công nghiệp:** Ngày 27/2, Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN) ban hành Nghị quyết HĐQT thông báo về việc mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức (SZC).

**7)GMC - Hàng cá nhân & Gia dụng:** Garmex Sài Gòn (GMC) muốn chuyển nhượng hai thửa đất với tổng diện tích 7.6 ha. Cụ thể, với tình hình kinh doanh không thuận lợi, GMC đã tổ chức lại bộ máy, cắt giảm lao động, tạm ngưng sản xuất để giảm thiểu thiệt hại, tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí tối đa.

**8)AGG - Bất động sản:** Tập đoàn Bất động sản An Gia (AGG) đặt mục tiêu tiếp tục mở rộng quỹ đất sạch, thời gian triển khai nhanh, phù hợp phát triển các dự án nhà ở, căn hộ vừa túi tiền.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**CTCP Tập đoàn Hoa Sen - HSG**

**HSG – Tài nguyên Cơ bản.** Trong niên độ tài chính 2023-2024, HSG đặt kế hoạch kinh doanh với hai kịch bản. Trong đó, kịch bản 1 với sản lượng tiêu thụ 1,625 nghìn tấn (+13.3% YoY), doanh thu dự kiến 34,000 tỷ đồng (+7.4% YoY) và lợi nhuận sau thuế dự kiến 400 tỷ đồng (+12.33 lần YoY).



# Xu hướng dòng tiền

## Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 2/26/2024 | 2/27/2024 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Y tế | 114.2 | 31 | 68 | 32 | |
| 2 | Tài nguyên Cơ bản | 95.6 | 1,072 | 3,425 | 1,752 | |
| 3 | Hàng cá nhân & Gia dụng | 22.5 | 206 | 266 | 217 | |
| 4 | Dịch vụ tài chính | 11.1 | 3,977 | 3,743 | 3,369 | |
| 5 | Dầu khí | -1.7 | 185 | 219 | 223 | |
| 6 | Thực phẩm và đồ uống | -2.4 | 1,792 | 1,696 | 1,737 | |
| 7 | Công nghệ Thông tin | -3.3 | 529 | 408 | 422 | |
| 8 | Du lịch và Giải trí | -6.8 | 85 | 80 | 85 | |
| 9 | Bất động sản | -8.5 | 3,031 | 3,559 | 3,890 | |
| 10 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -9.5 | 213 | 230 | 254 | |
| 11 | Bán lẻ | -12.7 | 745 | 623 | 714 | |
| 12 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -13.7 | 896 | 736 | 853 | |
| 13 | Ô tô và phụ tùng | -14.7 | 59 | 74 | 87 | |
| 14 | Xây dựng và Vật liệu | -18.5 | 1,198 | 1,179 | 1,446 | |
| 15 | Ngân hàng | -22.4 | 3,785 | 4,070 | 5,244 | |
| 16 | Bảo hiểm | -24.8 | 23 | 23 | 31 | |
| 17 | Hóa chất | -25.6 | 1,562 | 882 | 1,185 | |

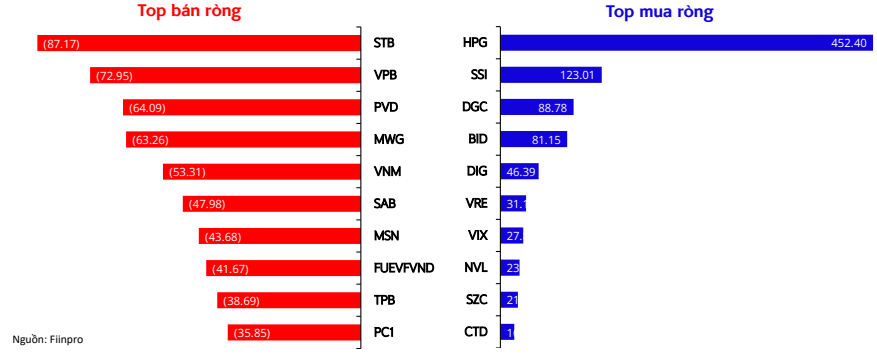
## Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | Xu hướng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | |
| HPG | Hòa Phát | Tài nguyên Cơ bản | 30,350 | 5.4 | 3.9 | 8.6 | 231 | 2,600.6 | |
| SSI | Chứng khoán SSI | Dịch vụ tài chính | 35,900 | 2.3 | 1.7 | 9.5 | 112 | 1,685.9 | |
| HSG | Tập đoàn Hoa Sen | Tài nguyên Cơ bản | 22,850 | 1.8 | -0.9 | 0.2 | 40 | 373.2 | |
| SZC | Sonadezi Châu Đức | Bất động sản | 43,900 | 4.9 | 6.0 | 19.9 | 102 | 152.9 | |
| ANV | Thủy sản Nam Việt | Thực phẩm và đồ uống | 34,500 | 3.9 | 10.9 | 10.9 | 67 | 146.8 | |
| NKG | Thép Nam Kim | Tài nguyên Cơ bản | 24,100 | 1.7 | -0.8 | -2.2 | 27 | 272.3 | |
| ITA | Đầu tư CN Tân Tạo | Bất động sản | 6,180 | -3.4 | -4.6 | -4.3 | 164 | 93.5 | |
| NTL | Đô thị Từ Liêm | Bất động sản | 34,000 | 5.9 | 7.3 | 24.5 | 133 | 85.2 | |
| PNJ | Vàng Phú Nhuận | Hàng cá nhân & Gia dụng | 89,900 | 1.6 | 1.4 | 4.5 | 46 | 138.1 | |
| TNH | Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên | Y tế | 21,400 | 7.0 | 10.9 | 14.7 | 360 | 54.2 | |
| ELC | ELCOM | Công nghệ Thông tin | 22,350 | 3.5 | 5.7 | 7.2 | 256 | 47.5 | |
| GMD | Gemadept | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 74,100 | 0.0 | 2.9 | 5.1 | 28 | 133.6 | |
| SAB | SABECO | Thực phẩm và đồ uống | 56,300 | -0.5 | -3.9 | -10.6 | 35 | 98.6 | |
| VCB | Vietcombank | Ngân hàng | 91,100 | 1.8 | -0.2 | 13.4 | 15 | 144.9 | |
| PSH | TMại ĐT Dầu khí Nam Sông Hậu | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 8,100 | 5.9 | 3.7 | -21.4 | 420 | 20.2 | |

## Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | Xu hướng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | |
| PTB | Công ty Cổ phần Phú Tài | Tài nguyên Cơ bản | 57,600.0 | 1.6 | 5.3 | -2.4 | 5.2 | 57.60 | |
| NTL | Đô thị Từ Liêm | Bất động sản | 34,000.0 | 5.9 | 7.3 | 24.5 | 7.3 | 34.00 | |
| TNH | Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên | Y tế | 21,400.0 | 7.0 | 10.9 | 14.7 | 10.3 | 21.40 | |
| HPG | Hòa Phát | Tài nguyên Cơ bản | 30,350.0 | 5.4 | 3.9 | 8.6 | 5.7 | 30.35 | |
| SSI | Chứng khoán SSI | Dịch vụ tài chính | 35,900.0 | 2.3 | 1.7 | 9.5 | 3.4 | 35.90 | |
| ELC | ELCOM | Công nghệ Thông tin | 22,350.0 | 3.5 | 5.7 | 7.2 | 5.2 | 22.35 | |
| BTP | Nhiệt điện Bà Rịa | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 18,000.0 | 4.3 | 3.7 | 13.2 | 3.9 | 18.00 | |
| PSH | TMại ĐT Dầu khí Nam Sông Hậu | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 8,100.0 | 5.9 | 3.7 | -21.4 | 5.3 | 8.10 | |
| C47 | Xây dựng 47 | Xây dựng và Vật liệu | 6,790.0 | -0.1 | -2.9 | -3.0 | -1.8 | 6.79 | |
| ITA | Đầu tư CN Tân Tạo | Bất động sản | 6,180.0 | -3.4 | -4.6 | -4.3 | -4.8 | 6.18 | |

## Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)




Nguồn: Fiinpro

## Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 2/27/2024 | 2,689.6 | 2,647.0 | 42.6 |
| 2/26/2024 | 1,789.0 | 1,756.0 | 33.1 |
| 2/23/2024 | 1,850.1 | 2,623.2 | -773.1 |
| 2/22/2024 | 1,108.6 | 2,047.8 | -939.1 |
| 2/21/2024 | 2,011.0 | 2,018.2 | -7.3 |
| 2/20/2024 | 2,643.4 | 2,520.6 | 122.8 |
| 2/19/2024 | 1,869.9 | 1,732.1 | 137.7 |
| 2/16/2024 | 1,181.1 | 1,581.6 | -400.6 |
| 2/15/2024 | 1,666.9 | 1,994.6 | -327.6 |
| 2/7/2024 | 1,155.4 | 1,165.8 | -10.4 |
| 2/6/2024 | 1,469.9 | 1,879.8 | -409.8 |
| 2/5/2024 | 1,568.8 | 1,512.1 | 56.7 |
| 2/2/2024 | 1,483.3 | 1,693.9 | -210.6 |
| 2/1/2024 | 1,545.1 | 1,462.1 | 83.0 |
| 1/31/2024 | 1,847.0 | 1,723.6 | 123.4 |
| 1/30/2024 | 1,667.4 | 1,537.9 | 129.4 |



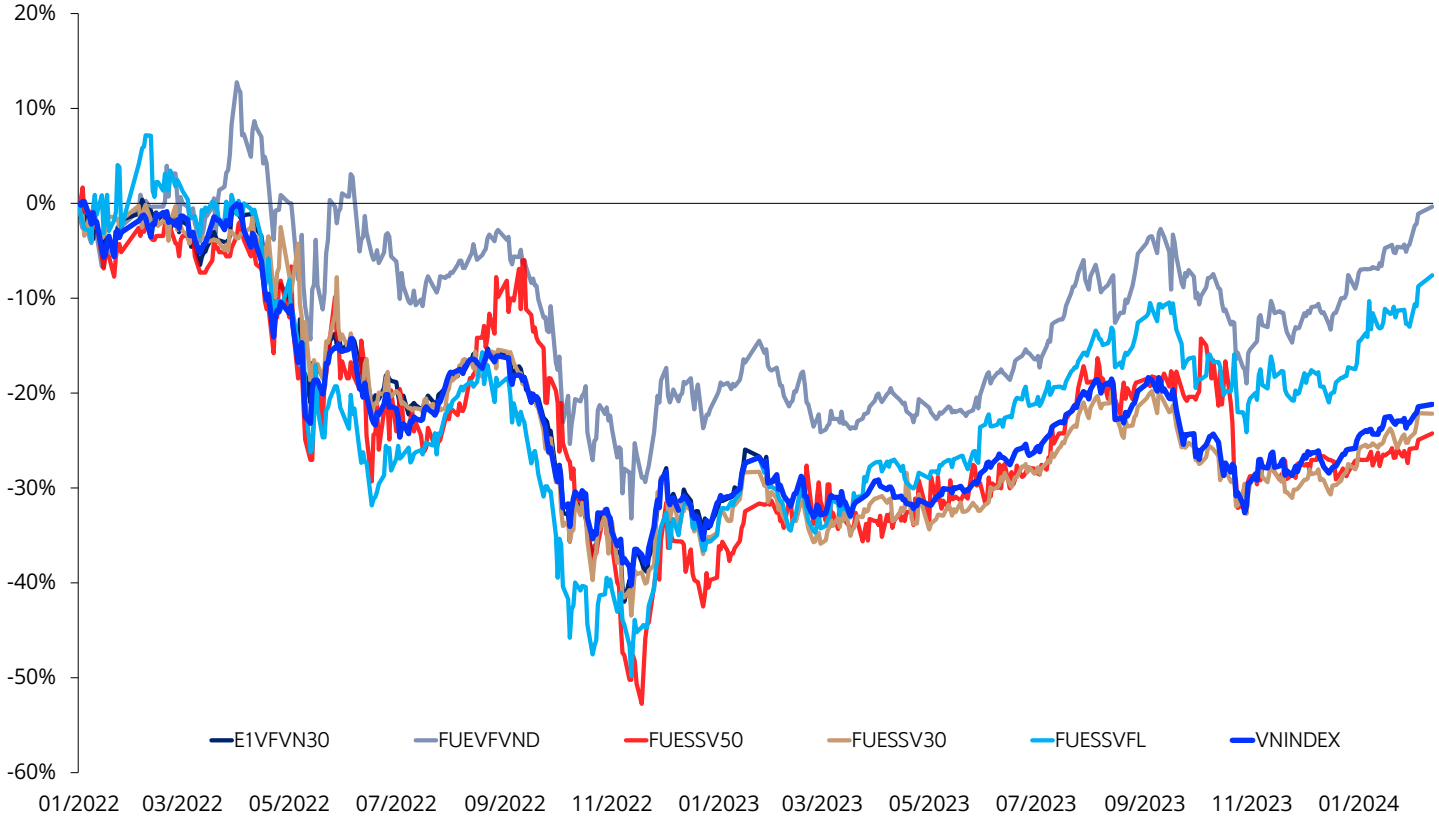
Shinhan Securities

# Chứng chỉ quỹ ETF

**Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 21,510 | 1.0% | 5.4% | 10.7% | 808,100 | 17.3 | |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 17,850 | 0.5% | 3.4% | 6.9% | 9,200 | 0.2 | |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 20,560 | 1.7% | 3.9% | 11.4% | 1,185,800 | 24.3 | |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 28,770 | 0.9% | 5.4% | 8.8% | 2,801,700 | 80.3 | |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 16,610 | 1.3% | 4.7% | 8.3% | 160,400 | 2.7 | |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 15,070 | 0.0% | 5.5% | 7.9% | 57,200 | 0.9 | |
| 7 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 14,790 | 0.8% | 5.3% | 9.6% | 18,500 | 0.3 | |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 8,090 | 0.5% | -0.6% | -3.9% | 2,200 | 0.0 | |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 8,210 | 0.9% | 5.3% | 9.5% | 2,600 | 0.0 | |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 11,320 | 0.6% | 4.1% | 3.9% | 29,900 | 0.3 | |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 11,900 | 0.3% | 4.3% | 12.3% | 200 | 0.0 | |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | FUEMAVND | 11,990 | 0.0% | 4.4% | 9.7% | 1,500 | 0.0 | |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FUEFCV50 | 12,480 | 3.1% | -1.9% | -2.7% | 5,300 | 0.1 | |

**Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX**




**Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | DCVFM | 8/14/2014 | VN30 | 329.8 | -8.9 | -6.3 | 24.9 | 22.9 | 1.0 | 2.15 | 1.6 | 10.8 | 61.3 |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | SSIAM | 12/15/2014 | FUESSV50 | 5.9 | -0.9 | -0.8 | 15.7 | 40.3 | 1.0 | 1.76 | 1.6 | 12.0 | 49.4 |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | SSIAM | 2/24/2020 | VNFL | 91.2 | 0.8 | -39.1 | 40.8 | 30.9 | 0.9 | 1.85 | 1.4 | 9.2 | 84.0 |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | DCVFM | 5/12/2020 | VND | 705.8 | -9.1 | -99.1 | 31.6 | 26.9 | 0.9 | 2.39 | 1.7 | 11.0 | 80.6 |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | n.a | 0.0 | 0.0 | 29.4 | 24.4 | 0.9 | 1.95 | 1.6 | 11.8 | 42.9 |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | 6.3 | 0.0 | 0.0 | 21.7 | 28.8 | 0.9 | 1.77 | 1.7 | 11.6 | 61.4 |
| 7 | MAFN VN30 ETF | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | n.a | -0.3 | -0.5 | 24.1 | 23.5 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | I.P.A | 7/28/2021 | VN100 | 1.8 | 0.0 | 0.0 | 14.3 | 28.3 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | KIM | 1/6/2022 | VN30TR | 25.8 | 0.0 | 1.7 | 25.2 | 33.6 | 0.9 | 1.77 | 1.7 | 11.6 | 61.9 |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | DCVFM | 9/29/2022 | VNMidcap | 10.7 | 0.5 | 2.5 | 41.9 | 32.8 | 1.2 | 1.73 | 1.5 | 15.0 | 45.0 |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | KIM | 11/3/2022 | VNFS | 13.4 | 0.0 | 0.0 | 38.7 | 22.8 | 1.0 | 1.82 | 1.4 | 8.9 | 68.5 |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | MAFM | 3/2/2023 | VND | n.a | 0.7 | 1.0 | n.a | 19.2 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FPT Fund | 5/25/2023 | VNX50 | n.a | 0.0 | 0.0 | n.a | n.a | -0.2 | n.a | n.a | n.a | n.a |

Nguồn: Bloomberg

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL
Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## SHANGHAI
Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## NEW YORK
Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HO CHI MINH
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HONG KONG
Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## HA NOI
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward,
Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000

## INDONESIA
PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Shinhan Securities